

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25-4 -2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Yên

Bà Nguyễn Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa:

Bà Diêm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 08-3-2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13-4-2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1989. Có mặt

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn B tự nguyện kết hôn với nhau ngày 23-4-2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B có hành vi bạo lực gia đình đối với chị. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả. Chị và anh B đã ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B có ba con chung là Nguyễn Tú U, sinh ngày 19-8-2009; Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 30-9-2011 và Nguyễn Diễm M, sinh

ngày 12-6-2019. Hiện ba còn đều đang được anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị đề nghị anh B nuôi dưỡng cả ba con và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung : Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Nguyễn Văn B trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23-4-2009 tại UBND xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và không xảy ra mâu thuẫn gì. Anh B xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị N có ba con chung là Nguyễn Tú U, sinh ngày 19-8-2009; Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 30-9-2011 và Nguyễn Diễm M, sinh ngày 12-6-2019. Nếu ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung : Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

+ Về con chung: Giao ba con chung là Nguyễn Tú U, sinh ngày 19-8-2009; Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 30-9-2011 và Nguyễn Diễm M, sinh ngày 12-6-2019 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn anh Nguyễn Văn B có nơi cư trú tại xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35,

khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái ngày 23-4-2009 là hôn nhân hợp pháp. Qua xác minh và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ cho thấy, sau khi kết hôn chị N và anh B chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là anh B có hành vi bạo lực gia đình đối với chị N. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả, chị N và anh B hiện đã ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Anh B không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn anh B.

[3] Về con chung: Chị N và anh B có ba con chung là Nguyễn Tú U, sinh ngày 19-8-2009; Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 30-9-2011 và Nguyễn Diễm M, sinh ngày 12-6-2019 hiện đều đang được anh B đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị N và anh B cùng có ý kiến đề nghị anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng được nuôi dưỡng con chung của anh B là phù hợp với quyền và nghĩa vụ của cha đối với con được quy định trong luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với đề nghị về việc nuôi dưỡng con chung của các đương sự và nguyện vọng của các con. Hiện chị N và anh B đã ly thân, con chung đang được anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền, lợi ích và đảm bảo sự ổn định cuộc sống của các con nên giao ba con cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao ba con là Nguyễn Tú U, sinh ngày 19-8-2009; Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 30-9-2011 và Nguyễn Diễm M, sinh ngày 12-6-2019 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0003465 ngày 06-3-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- CCTHADS huyện Lục Yên;
- UBND xã Tân Lĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thao

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Ngọc Thao

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Ngọc Thao

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tp. Yên Bái;
- THADS tp. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND p. Đông Tâm;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Ngọc Thao

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Ngọc Thao

Nơi nhận:

- *TA tỉnh ;*
- *VKSND tp.Yên Bái;*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

- THADS tp. Yên Bái;
- Các đưong sự;
- UBND p. Yên Thịnh;
- Lưu HS.

Nguyễn Ngọc Thao

